CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Date: 2025.07.22 14:26:11 +07'00'

trueFriend KIM Vietnam Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 22, 2025

Số/ *No .:* 20250722/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission of Vietnam*
/To : Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants/ Investors*

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:*	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:*	**FUEKIVFS**
- Tên Công ty Quản lý quỹ: *Fund Management company:*	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ *KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:*	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ *Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam*
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:*	**21/07/2025**
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:*	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *1 lot of ETF = 100 000 ETF shares*

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ ***We announce the creation basket as follow:***

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Số lượng *Volume*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weight (%)*
I. Chứng khoán/ ***Securities***			
1	ACB	5,800	8.44%
2	AGR	100	0.11%
3	APG	100	0.08%
4	BIC	100	0.25%
5	BID	300	0.74%
6	BMI	100	0.13%
7	BSI	100	0.29%
8	BVH	100	0.34%
9	CTG	1,000	2.89%
10	CTS	100	0.20%
11	DSE	200	0.33%
12	EIB	2,000	3.23%
13	EVF	1,000	0.78%
14	FTS	200	0.53%
15	HCM	500	0.80%
16	HDB	3,300	5.17%
17	LPB	3,600	8.00%
18	MBB	4,200	7.34%
19	MIG	100	0.11%
20	MSB	2,900	2.47%
21	NAB	1,900	1.78%
22	OCB	1,800	1.41%
23	ORS	400	0.28%
24	SHB	4,300	3.92%
25	SSB	2,300	2.92%
26	SSI	1,700	3.47%
27	STB	2,400	7.74%
28	TCB	5,800	13.50%
29	TCI	100	0.06%
30	TPB	1,700	1.65%
31	TVS	100	0.12%
32	VCB	1,100	4.37%
33	VCI	500	1.34%
34	VDS	100	0.10%
35	VIB	3,000	3.29%
36	VIX	1,800	2.18%
37	VND	1,400	1.67%
38	VPB	5,100	6.99%
	Tiền/ *Cash* (VND)	15,463,146	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spead between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value* : (VND)	**1,541,720,000**
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* : (VND)	**1,557,183,146**
- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* : (VND)	**15,463,146**

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread* — Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: — Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: — *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ *Cash Substitution per share* (VND)	Đối tượng áp dụng/ *Applied to*	Lý do/ *Reason*
1	ACB	22,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BIC	38,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BID	38,350	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	BSI	45,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
5	BVH	52,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
6	MBB	27,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	VCB	61,900	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ *Criteria*	Kỳ này/ *This period* (*) 21/07/2025	Kỳ trước/ *Last period* (**) 18/07/2025	Chênh lệch/ *Difference*
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation units issued*	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ *Creation units redeemed*			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Outstanding shares*	19,100,000	19,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ *Closing price*	15,660.00	15,690.00	(30)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net asset value at valuation date*			
của quỹ ETF/ *of the Fund*	297,421,980,891	292,876,028,796	4,545,952,095
của 1 lô CCQ ETF/ *per ETF creation unit*	1,557,183,146	1,533,382,349	23,800,797
của 1 CCQ/ *per Share*	15,571.83	15,333.82	238.01
6. Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	2,671.78	2,665.70	6.08

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 20/07/2025 / *Item 5 is net asset value at 20/07/2025*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 17/07/2025 / *Item 5 is net asset value at 17/07/2025*

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company

S.G.P: 59 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Yun Hang Jin

TỔNG GIÁM ĐỐC